

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: **161/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: **02/07/2024.**
V/v tranh chấp: **xin ly hôn.**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn Anh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thu Hồng**
2. Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa**

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên Tòa: ông **Phạm Thanh An** - Kiểm sát viên

Trong ngày 02 tháng 07 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/04/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐST- HNGĐ ngày 14/06/2023 của Toà án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **NGUYỄN THỊ SƠN T** - sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang.

Tạm trú: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang

* Bị đơn: Anh **LIU VĂN HỮU L** - sinh năm 2001.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sơn T trình bày: chị và anh Lưu Văn Hữu L cưới nhau năm 2019, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B năm 2022. Sau khi cưới chị và anh L sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn với gia đình chồng. Đời sống chung kéo dài đến tháng 2/2024 thì chị và anh L sống ly

thân cho đến nay. Từ đó cho đến nay hai vợ chồng không có nói chuyện để hàn gắn tình cảm. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: có 1 cháu tên Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019. Hiện cháu P đang sống với chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Tại văn bản lời khai của bị đơn anh Lưu Văn Hữu L trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Sơn T cưới nhau năm 2019, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B năm 2022. Sau khi cưới anh và chị T sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn giữa chị T và gia đình anh. Đời sống chung kéo dài đầu năm 2024 thì sống ly thân cho đến nay. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh L, phía anh L không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 1 cháu tên Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019. Hiện cháu P đang sống với chị T. Nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sơn T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Lưu Văn Hữu L; về con chung: chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019 yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Văn Hữu L đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Sơn T; về con chung: nếu ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sơn T; về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Sơn T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật; về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sơn T là có cơ sở. Vì chị Nguyễn Thị Sơn T và anh Lưu Văn Hữu L chung sống với nhau vào năm 2019, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B số 81 ngày 25/7/2022. Sau khi cưới chị T và anh L sống hạnh phúc đến giữa năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến đầu năm 2024 thì chị T và anh L sống ly thân cho đến nay, mà giữa chị T, anh L vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại phiên Tòa anh L cũng đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh L là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: chị T và anh L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019. Xét yêu cầu này của chị T là có cơ sở vì hiện tại cháu P đang sống với chị T đã ổn định cuộc sống, nếu thay đổi sẽ ảnh hưởng đến tâm lý cũng như sinh hoạt bình thường của cháu P. Do đó, để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu P, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu P, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Xét yêu cầu này của chị T là có cơ sở vì người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu P cho chị T nuôi dưỡng nên anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về mức cấp dưỡng thì theo quy định tại khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nhưng chị T và anh L không thỏa thuận được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh L và nhu cầu thiết yếu của cháu P, đồng thời theo quy định của pháp luật, mức cấp dưỡng mỗi tháng không thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định là 1.170.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T là phù hợp với Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: chị T và anh L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này chị T và anh L có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: do chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sơn T.

Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Sơn T và anh Lưu Văn Hữu L.

- Về con chung: giao cho chị Nguyễn Thị Sơn T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lưu Thiên P – sinh ngày 18/12/2019 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lưu Văn Hữu L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng là **1.170.000** đồng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng), bắt đầu thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, lao động được. Anh Lưu Văn Hữu L được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị Sơn T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0009369 ngày 10/04/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy chị T đã nộp xong án phí.

Anh Lưu Văn Hữu L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Báo các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Thạnh Trị
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh